MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG BAO TRÙM TRONG KHU VỰC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Tăng trưởng bao trùm đòi hỏi phải tiếp cận một cách đa chiều bởi bản thân khái niệm này chứa đựng một số trụ cột khác nhau và trong mỗi trụ cột cũng chứa đựng những thành phần cụ thể hơn. Cũng vì lẽ đó, các chính sách để đạt được mục tiêu tăng trưởng bao trùm cần phải được thực hiện đồng bộ và toàn diện trên nhiều khía cạnh thay vì chỉ tập trung vào một hướng. Với nhiều cách tiếp cận khác nhau trong lĩnh vực kinh tế, ở chuyên đề này xin xuất một số giải pháp về chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển bao trùm của khu vực doanh nghiệp, qua đó lan tỏa tới cả nền kinh tế và đóng góp vào tính chất bao trùm chung trong tăng trưởng kinh tế. Điều này hàm ý rằng cũng cần tới các chính sách khác bên cạnh các chính sách đối với riêng khu vực doanh nghiệp, để thúc đẩy sự bao trùm trong phát triển trên những khía cạnh như hệ thống an sinh xã hội, nghèo đói và bất bình đẳng...

Một số giải pháp ở đây sẽ được phân thành ba nhóm tập trung vào ba nội dung có đóng góp quan trọng cho sự phát triển bao trùm và bền vững của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Thứ nhất, các chính sách nhằm xây dựng một thể chế bao trùm và một nhà nước kiến tạo phát triển, thay vì nhà nước điều hành/can thiệp. Một thể chế được phát triển theo hướng bao trùm sẽ giúp cho thể chế đó trở nên lành mạnh hơn, có khả năng thực thi tốt luật pháp và các quy định, hướng tới số đông người dân hơn. Đây được xem là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng và phải được đặt lên hàng đầu bởi nó sẽ quyết định tới sự thành công của nhóm các chính sách sau. Nó sẽ quyết định tới môi trường hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, khả năng tiếp cận các nguồn lực và phân phối kết quả từ hoạt động kinh doanh, cũng như động lực và con đường phát triển mà doanh nghiệp lựa chọn. Thứ hai, các chính sách hướng trực tiếp tới hệ thống các doanh nghiệp, giải quyết những vấn đề khó khăn trước mắt của doanh nghiệp cũng như hỗ trợ cho sự phát triển trong trung và dài hạn của các doanh nghiệp. Các chính sách này có mục tiêu thúc đẩy nỗ lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như bảo đảm tính bền vững và cân đối trong phát triển của doanh nghiệp. Cuối cùng, nhóm chính sách phát triển thị trường lao động, nguồn đầu vào quan trọng, có vai trò lớn trong việc hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh, đổi mới sáng tạo và phát triển của doanh nghiệp, cũng chính là đối tượng cuối cùng thụ hưởng các thành quả của quá trình tăng trưởng bao trùm.

Thể chế vững mạnh và chính sách tốt là yếu tố quan trọng bảo đảm cho tính chất bao trùm trong phát triển kinh tế và xã hội. Những bất công về mặt kinh tế và xã hội thường là sự phản chiếu cho việc ban hành những chính sách tồi, cơ chế

TTBD DBDC

quản trị yếu kém, một nền tảng thể chế/pháp lý có nhiều khiếm khuyết, từ đó càng gia tăng các khuyết tật của thị trường.

1. Tăng quyền lực và vai trò của Quốc hội trong việc soạn thảo luật và thẩm tra các văn bản dưới luật cũng như tăng tính độc lập của các đại biểu Quốc hội

Hệ thống luật pháp và quy định cũng cần phải bảo đảm tính ổn định, cam kết và nhất quán cao hơn, đặc biệt khi những quy định đó có thể chi phối tới các quyết định dài hạn của doanh nghiệp. Tính chất kém ổn định của chính sách sẽ là một thách thức rất lớn đối với những doanh nghiệp muốn hoạt động và gắn bó lâu dài, góp phần mang lại sự thịnh vượng bền vững cho người dân Việt Nam nhưng lại là một sân chơi lý tưởng cho những doanh nghiệp hoạt động mang tính chất trục lợi, vì những mục tiêu ngắn hạn và thông thường là không mang lại nhiều giá trị cho đất nước. Do vậy, các quy định cần phải được nghiên cứu kỹ càng, có cơ chế phản biện đầy đủ để bảo đảm tính phù hợp và khả thi cao nhất có thể. Để đạt được các mục tiêu đa chiều của tăng trưởng bao trùm sẽ đòi hỏi Nhà nước phải có những nỗ lực kiên trì trong trung và dài hạn. Vì vậy, mọi kế hoạch cần phải được xây dựng trên một trục thời gian dài hơn và việc thực hiện các kế hoạch này cần nhất quán và kiên định.

Tính độc lập khi xây dựng hệ thống luật pháp và quy định cũng là một điều rất quan trọng để bảo đảm sự phát triển bao trùm của khu vực doanh nghiệp. Nếu cơ quan xây dựng hệ thống luật pháp và các quy định cũng như cơ quan phê duyệt các luật định này không có được sự độc lập, vẫn bị chi phối bởi các nhóm lợi ích nhỏ trong xã hội thì cơ hội tiếp cận các nguồn lực và hệ quả là phân phối kết quả sẽ không thể bình đẳng được và như vậy điều kiện tiên quyết để đạt được tăng trưởng bao trùm sẽ không thực hiện được. Việc chiếm đoạt các lợi ích kinh tế thông qua các luật định và chính sách sẽ là xu hướng tham nhũng của tương lai. Hình thức tham nhũng này sẽ thay thế dần hình thức tham nhũng kiểu truyền thống, tức là dùng quyền lực để buộc ai đó phải đưa hối lộ cho mình. Tuy hình thức khác nhau nhưng mức độ nguy hại đối với nền kinh tế có lẽ vẫn không giảm đi, nếu không muốn nói là nguy hại hơn do mức độ tác động rộng hơn của nó lên nền kinh tế.

Một hệ thống luật pháp và quy định nhiều kẽ hở, mập mờ chính là cơ hội tốt cho sự phát triển các hành vi những nhiễu và trục lợi, từ đó khiến cho chi phí phi chính thức của doanh nghiệp gia tăng, cản trở sự phát triển của những doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp tư nhân, bởi đây là nhóm doanh nghiệp thường ít có tiếng nói và quyền lực ảnh hưởng trong xã hội để có thể phản kháng lại những hành vi sai trái nêu trên. Đồng thời, nó cũng dễ tạo điều kiện cho một số ít doanh

TTBD ĐBDC

nghiệp thân hữu với những nhóm quyền lực trong xã hội nắm quyền kiểm soát, từ đó gây ra sự bất bình đẳng lớn trong tiếp cận nguồn lực và tất yếu cũng là bất bình đẳng trong phân phối kết quả.

Nếu Nhà nước có thể xây dựng được hệ thống luật pháp và quy định cụ thể và tất cả những luật định này được công khai minh bạch tới người dân thì chắc chắn cơ hội phát triển một cách lành mạnh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khu vực ngoài nhà nước sẽ được cải thiện lên rất nhiều. Việc bỏ ra những khoản chi phí không chính thức sẽ được giảm bớt đi rất nhiều, nhờ đó sẽ tạo cơ hội sống và phát triển cao hơn cho những doanh nghiệp phát triển chính đáng, dựa trên giá trị mang lại cho xã hội thay vì tìm cách chiếm đoạt các nguồn lực sẵn có của xã hội. Nhà nước cần cải cách hệ thống luật pháp và các quy định theo hướng đơn giản các thủ tục hành chính, xóa bỏ dần việc cấp phép mà thay thế bằng các điều kiện cụ thể. Thực tiễn cho thấy một hệ thống thủ tục hành chính càng phức tạp thì thường đòi hỏi có nhiều cơ quan nhà nước khác nhau tham gia, tuy nhiên những gì ta thấy được là mức độ sai phạm không có dấu hiệu giảm và khả năng quy trách nhiệm cho mỗi cơ quan nhà nước lại càng khó khăn hơn. Dường như hệ thống hành chính phức tạp chỉ phát huy tác dụng đối với những doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp muốn làm ăn chân chính, còn nó gần như vô tác dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động mang tính chất trục lợi, thậm chí là gây tổn hại tới xã hội. Việc xóa bỏ dần các giấy phép và thay thế bằng các điều kiện cụ thể để tham gia thị trường sẽ tạo ra sự minh bạch và bình đẳng trong cơ hội cho tất cả các doanh nghiệp có thể đáp ứng được điều kiện đã được quy định.

Do vậy, để xây dựng được hệ thống luật pháp và quy định đảm bảo sự nghiêm minh, cụ thể và thực thi tốt, trong thời gian tới cần tăng cường quyền lực và vai trò của Quốc hội trong việc soạn thảo văn bản luật và thẩm tra các văn bản dưới luật cũng như tính năng độc lập của các đại biểu quốc hội. Để thực hiện điều này thì đại biểu quốc hội về cơ bản phải là đại biểu chuyên trách, không nằm trong các cơ quan chính phủ và chính quyền các cấp; các văn bản dưới luật như Nghị định, Thông tư... hướng dẫn thi hành luật cần phải ghi rõ khoản, điều được quy định chi tiết thi hành, và cần được cơ quan chuyên trách của Quốc hội thẩm tra và thông qua.

2. Xây dựng hệ thống thang đo đánh giá chất lượng và quy trách nhiệm cụ thể cho từng chính quyền các cấp, từng cơ quan nhà nước và cơ sở dữ liệu về Chính phủ theo hướng công khai, minh bạch

Hầu hết các luật định và chính sách nhằm mang lại tăng trưởng bao trùm cho khu vực doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung đòi hỏi sự tham gia của nhiều cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước có liên quan. Sự tham gia của

TTBD ĐBDC

nhiều bên sẽ cần một cơ chế hợp tác mạnh mẽ giữa các cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước có liên quan nếu muốn đạt được một chu trình luật định và chính sách thành công, từ giai đoạn thiết kế tới thực hiện và đánh giá. Muốn bảo đảm được sự kết dính và trách nhiệm của tất cả các bên trong chu trình này, ngoài việc làm rõ tầm nhìn, quan điểm, các mục tiêu và kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó, Nhà nước rất cần tới một hệ thống các thang đo đánh giá mức độ hoàn thành và hiệu quả mà mỗi cấp chính quyền, mỗi cơ quan nhà nước đạt được. Hệ thống các thang đo này cần được các bên thống nhất, nắm bắt rõ và sử dụng trong thực tiễn. Đó chính là bước khởi đầu để thúc đẩy tất cả các cấp cùng tham gia vào mục tiêu chung này. Với hệ thống thang đo này, những trục trặc và sai sót trong chu trình này sẽ được chỉ ra và quy trách nhiệm cho một bộ phận cụ thể do đó việc khắc phục vấn đề sẽ nhanh chóng và đơn giản hơn. Hơn nữa, hệ thống thang đo cũng là cơ sở để đánh giá chất lượng và năng lực của các cấp chính quyền, của người đứng đầu các cơ quan nhà nước. Nó sẽ buộc những người đứng đầu phải có trách nhiệm tốt hơn trong việc nâng cao hiệu quả công việc mà họ được phân công và chịu trách nhiệm, cung cấp tốt hơn các dịch vụ công và mang lại sự hài lòng lớn hơn cho các doanh nghiệp, người dân nếu họ không muốn bị mất uy tín, thậm chí là mất chức do bị đánh giá hoạt động kém. Nhà nước nên áp dụng những phương thức quản lý của khu vực doanh nghiệp hay các tổ chức tư nhân nhằm tạo động lực cũng như áp lực cần thiết để các cá nhân trong hệ thống phải có bổn phận thực hiện đúng chức trách được giao.

Song song với đó là xây dựng một cơ sở dữ liệu chính phủ mở để nâng cao tính minh bạch và kịp thời về thông tin, bảo đảm sự nhất quán trong quan điểm về chính sách với hành động thực sự của Chính phủ trong điều hành. Những dữ liệu Chính phủ sử dụng cho việc phân tích và làm cơ sở trong thiết kế chính sách cần phải được công khai, minh bạch để mọi người, đặc biệt là các bên có liên quan có thể tham gia kiểm chứng và thống nhất quan điểm trong việc đánh giá tính hợp lý, khả thi và hiệu quả kỳ vọng của chính sách. Đồng thời, cơ sở dữ liệu được sử dụng để đánh giá sau đối với các chính sách cũng cần được công khai để giúp mọi người hiểu rõ được mức độ tác động thực sự của các chính sách đó tới nền kinh tế và cá nhân họ, làm cơ sở cho những điều chỉnh cần thiết nhằm bảo đảm tính chất bao trùm trong chia sẻ lợi ích thu được từ các chính sách, cũng như tạo lập một cơ chế bù đắp thỏa đáng cho những nhóm bị thiệt hại từ các chính sách hay quy định được thực thi.

Ngoại trừ những thông tin mang tính chất an ninh quốc gia cần phải được giữ bí mật, một nguyên tắc cơ bản là những gì liên quan tới người dân cần phải được Chính phủ công bố một cách chính thức và rộng rãi. Tính minh bạch càng cao thì

TTBD ĐBDC

thể chế càng lành mạnh, thông tin tới doanh nghiệp và người dân càng đầy đủ và kịp thời thì mức độ bao trùm của thể chế càng cao, tính cam kết và trách nhiệm giải trình của cơ quan thực thi càng tốt, qua đó góp phần tạo ra một xã hội tin cậy, gắn kết và hỗ trợ nhau nhiều hơn.

Chính phủ cần những cách tiếp cận mới để thực thi tốt hơn vai trò quản trị công của mình, tạo lập một thể chế bao trùm và lành mạnh hơn. Những đổi mới về mặt công nghệ trong xã hội, sự phát triển của nền tảng phần mềm và công nghệ thông tin sẽ giúp Chính phủ tiếp cận và sử dụng các công cụ mới này để đạt được mục tiêu của tăng trưởng bao trùm một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn. Những đổi mới về công nghệ này cho phép doanh nghiệp và người dân gia tăng khả năng tiếp cận, làm tăng chất lượng của các dịch vụ công cũng như tăng quyền cho cộng đồng. Với một cơ sở dữ liệu tốt hơn và một phương thức tương tác hiện đại hơn, ta có thể nâng cao chất lượng lập kế hoạch, quản lý và giám sát các bên tham gia một cách kịp thời, bảo đảm trách nhiệm giải trình của các bên đối với các mục tiêu chung đòi hỏi sự hợp tác và chia sẻ của các bên.

Một chính phủ đưa ra khẩu hiệu đổi mới sáng tạo thúc đẩy tiến bộ công nghệ đối với các doanh nghiệp trước tiên phải cho thấy chính phủ cũng đang rất nỗ lực trong những đổi mới sáng tạo, ứng dụng các công nghệ mới. Việc số hóa và ứng dụng công nghệ thông tin sẽ xóa đi rất nhiều những khoảng cách đã hiện hữu rất lớn giữa người dân, doanh nghiệp và cơ quan chính phủ ở các cấp. Trước đây, do những hạn chế về hạ tầng thông tin và công nghệ nên thông tin của Chính phủ không thể đi đến được doanh nghiệp và người dân một cách rõ ràng và đầy đủ; ngược lại, những khó khăn, bức xúc hay chỉ là những nguyện vọng, ước muốn của doanh nghiệp và người dân cũng không thể truyền tải đến những người có trách nhiệm trong Chính phủ. Tuy nhiên, trong thời đại số hóa, với một thế giới phẳng thì tất cả những khoảng cách đó hoàn toàn có thể xóa bỏ gần như toàn bộ. Và một cơ chế trao đổi thông tin hai chiều thông suốt, đầy đủ, chính xác, kịp thời sẽ đóng góp rất nhiều vào việc phát triển một thể chế bao trùm, nơi doanh nghiệp và người dân có thể nắm bắt được đầy đủ những quan điểm và chính sách của Chính phủ cũng như tạo ra một cơ chế phản hồi để giúp Chính phủ có thể đánh giá chính xác và nhanh chóng hơn về các tác động của các quy định, chính sách do Chính phủ ban hành, qua đó có những điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực của các quy định, chính sách. Nó cũng sẽ góp phần giảm tham nhũng do vấn đề mập mờ thông tin và người tham nhũng không lo sợ việc phản hồi của doanh nghiệp và người dân lên các cấp cao hơn. Đồng thời, nó cũng rút bớt được rất nhiều chi phí về thời gian và tiền bạc mà doanh nghiệp hay người dân phải bỏ ra để thực thi các yêu cầu ghi trong luật định.

TTBD ĐBDC

3. Thể chế hóa khung khổ chính sách vĩ mô hướng tới thiết lạp môi trường kinh tế vĩ mô lành mạnh, ổn định và hoạt động theo nguyên tắc thị trường

Bất ổn kinh tế vĩ mô bên cạnh việc ảnh hưởng xấu tới nền kinh tế và các doanh nghiệp nói chung thì nó còn có ảnh hưởng tiêu cực lệch nhiều hơn về phía các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp yếu thế trong nền kinh tế. Điều đó sẽ đi ngược lại tư tưởng chủ đạo của mô hình tăng trưởng bao trùm. Khá nhiều bất ổn kinh tế mà chúng ta gặp phải đến từ việc lạm dụng chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn và một số mục tiêu khác. Điểm lại những lần suy thoái kinh tế trong thời gian gần đây mà có nguyên nhân nội tại bên trong nền kinh tế, có thể thấy trong giai đoạn trước đó, Chính phủ đi theo đuổi một chính sách tài khóa và tiền tệ nới lỏng quá mức. Các chính sách này đã ít nhiều mang lại một tốc độ tăng trưởng cao hơn cho nền kinh tế trong ngắn hạn, nhưng cái giá phải trả trong dài hạn dường như đắt hơn rất nhiều. Thêm vào đó, việc thực hiện chính sách nới lỏng thông thường mang lại lợi ích tập trung cho một số nhóm nhỏ các doanh nghiệp và cá nhân trong nền kinh tế, những người có khả năng ít nhiều chi phối và ảnh hưởng tới chính sách nhằm mang lại lợi ích cho bản thân doanh nghiệp và cá nhân họ.

Để khắc phục vấn đề này, Nhà nước cần phải tạo lập một khung khổ cho việc điều hành chính sách vĩ mô tuân theo những quy tắc và giới hạn nhất định nhằm ngăn chặn hiện tượng trục lợi chính sách. Các quy tắc về tài khóa như mức thâm hụt ngân sách, mức trần nợ công hay các quy tắc tiền tệ cần phải được chỉ rõ và thiết lập một cơ chế buộc Chính phủ, ngân hàng trung ương phải tuân thủ những quy tắc này một cách nghiêm ngặt. Một Quốc hội độc lập và có quyền lực lớn hơn cùng một đội ngũ các đại biểu quốc hội có chất lượng, thực sự đại diện cho người dân, có khả năng phê chuẩn và giám sát việc thực thi các quy tắc tài khóa và tiền tệ của Chính phủ là giải pháp duy nhất để bảo đảm rằng những quy tắc tài khóa và tiền tệ có thể được tuân thủ một cách đúng đắn. Một Ngân hàng nhà nước độc lập hơn với Chính phủ trong việc điều hành chính sách tiền tệ cũng là điều kiện cần thiết để thúc đẩy việc thực thi các quy tắc tiền tệ. Trong bối cảnh khả năng quản trị công của Việt Nam chưa thật tốt, nguy cơ trục lợi chính sách vẫn còn cao thì việc xây dựng những quy tắc tương đối cứng nhắc sẽ là lựa chọn phù hợp hơn cho sự phát triển trung và dài hạn của nền kinh tế. Nó sẽ tạo dựng niềm tin tốt hơn trong giới đầu tư, doanh nghiệp và người dân về những tuyên bố của các nhà lập chính sách và lộ trình thực hiện chính sách. Tuy nhiên, việc tuân thủ quy tắc một cách tương đối cứng nhắc sẽ hạn chế khả năng linh hoạt thích ứng với các điều kiện nền kinh tế khác nhau trong ngắn hạn, nhưng có lẽ chi phí này vốn nhỏ hơn

TTBD ĐBDC

rất nhiều so với lợi ích thu được từ tính chất ổn định của chính sách và niềm tin mà Chính phủ tạo dựng được đối với các nhà đầu tư về tính kiên định của chính sách trong dài hạn.

Cùng với việc tạo lập một khung khổ ổn định và nhất quán trong việc điều hành chính sách vĩ mô, phương thức điều hành kinh tế của Chính phủ cũng cần điều chỉnh theo hướng tuân thủ các nguyên tắc thị trường thay vì sử dụng mệnh lệnh hành chính. Việc điều hành kinh tế theo mệnh lệnh hành chính thông thường chỉ phù hợp trong những điều kiện rất đặc biệt của nền kinh tế như chiến tranh hay thảm họa và nó chỉ phát huy tác dụng trong một khoảng thời gian rất ngắn. Việc sử dụng các mệnh lệnh hành chính trong điều hành kinh tế về lâu dài sẽ chỉ khiến các doanh nghiệp và người dân buộc phải vi phạm các mệnh lệnh này, chuyển dần các giao dịch chính thức thành giao dịch phi chính thức, điều này càng làm gia tăng rủi ro và khả năng trục lợi của một số nhóm nhỏ trong nền kinh tế. Kinh nghiệm của Việt Nam trong giai đoạn tăng trưởng kinh tế vừa qua đã cho thấy, các chính sách mang tính mệnh lệnh thất bại nhiều hơn thành công. Hệ lụy của nó đôi khi cũng rất lớn và kéo dài. Nhà nước có thể can thiệp vào nền kinh tế nhưng vẫn phải dựa theo cơ chế vận hành của thị trường và điều này cần phải được xác định rõ trong khung pháp lý điều hành chính sách vĩ mô của Nhà nước.

Nếu Chính phủ có thể tạo lập một môi trường kinh tế vĩ mô ổn định sẽ mang lại lợi ích rất lớn cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt sẽ góp phần thúc đẩy sự lớn mạnh của khu vực tư nhân, của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bởi đây là khu vực ít có khả năng chi phối điều hành chính sách nhất và cũng dễ bị tổn thương từ sự biến động chính sách nhất. Việc tạo lập được một khung khổ chính sách vĩ mô có tính ổn định và nhất quán cao theo thời gian, duy trì mức thâm hụt ngân sách, nợ công vừa phải và ổn định, duy trì tỷ lệ lạm phát ở mức thấp và ổn định sẽ giúp nâng cao các hệ số xếp hạng tín nhiệm quốc gia, nhờ đó tạo ra lực hút lớn hơn đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các dòng vốn đầu tư nước ngoài vào nền kinh tế, nhờ đó thúc đẩy khả năng hấp thụ những lợi thế về mặt công nghệ, thị trường cũng như mang lại nguồn vốn lớn hơn cho khu vực doanh nghiệp tư nhân. Hệ quả là mức độ bao trùm trong tăng trưởng có thể được cải thiện, giúp mang lại sự phát triển đồng đều và bền vững của phần lớn các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

4. Minh hạch thông tin doanh nghiệp nhà nước đã qua kiểm toán độc lập làm cơ sở cho hoạt động cổ phần hóa

Chính phủ cần phải xác định rõ những lĩnh vực được coi là trọng yếu đối với an ninh và ổn định kinh tế quốc gia, để từ đó xác định những doanh nghiệp nào Nhà nước cần giữ, cần duy trì quyền kiểm soát. Đối với các doanh nghiệp còn lại,

TTBD ĐBDC

dù đang hoạt động tốt hay không tốt, Chính phủ vẫn cần phải đẩy nhanh cổ phần hóa. Để quá trình này diễn ra nhanh hơn, thu hút được nhiều nhà đầu tư tham gia mua lại cổ phần của Nhà nước, thì quy định về việc Nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần chi phối (51%) cần được loại bỏ. Không một nhà đầu tư nào sẵn sàng bỏ rất nhiều tiền để đầu tư vào một doanh nghiệp khi quyền kiểm soát vẫn tuyệt đối thuộc về một người khác và lá phiếu của anh ta sẽ hoàn toàn vô tác dụng. Đây là một nguyên tắc cơ bản của thị trường và quá trình cổ phần hóa cần phải tôn trọng nguyên tắc này nếu muốn cổ phần hóa thành công.

Một nguy cơ có thể gặp phải trong quá trình cổ phần hóa là việc bán tài sản nhà nước với giá rẻ. Điều này đã xảy ra với rất nhiều doanh nghiệp nhà nước trong quá trình cổ phần hóa, không chỉ tại Việt Nam mà tại nhiều quốc gia chuyển đổi khác. Những nhóm lợi ích có tiềm lực tài chính đã câu kết với một số lực lượng chính trị để được mua lại cổ phần với giá rất rẻ so với giá trị thực của doanh nghiệp. Tuy nhiên, một lần nữa, vấn đề này chỉ có thể xảy ra khi thông tin liên quan tới quá trình cổ phần hóa là thiếu minh bạch. Nếu quá trình cổ phần hóa được diễn ra một cách công khai, minh bạch, thông tin được công bố rộng rãi trong đại chúng thì chắc chắn những phản biện của các nhóm tư vấn, các chuyên gia và xã hội sẽ khiến cho giá trị giao dịch phản ánh tương đối sát với giá trị thực của doanh nghiệp, về mặt pháp lý, giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước là thuộc về nhân dân chứ không phải chỉ thuộc về những người làm trong doanh nghiệp đó và các bên trực tiếp có liên quan. Do vậy, việc bán đi các tài sản nhà nước cần phải được công khai trước người dân. Bên cạnh thông tin về các khoản nợ của doanh nghiệp, điều rất quan trọng là Chính phủ phải công khai tất cả thông tin chi tiết liên quan tới tài sản hữu hình của doanh nghiệp và giá trị ước tính cũng như đánh giá về giá trị tài sản vô hình của doanh nghiệp. Với việc minh bạch thông tin cùng cơ chế tiếp nhận phản hồi từ xã hội, ta có thể không còn quá lo ngại về việc tài sản nhà nước sẽ bị các nhóm lợi ích nhỏ chiếm đoạt với giá rẻ.

Đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước vẫn phải nắm quyền chi phối, tức là sở hữu nhà nước từ 51% cho tới 100% thì cơ cấu tổ chức cũng cần tuân theo nguyên tắc thị trường. Người nắm quyền điều hành doanh nghiệp nhà nước cần được tuyển dụng một cách cạnh tranh và nên tuyển dụng từ ngoài bộ máy hành chính nhà nước để gia tăng tính độc lập và khách quan trong quá trình điều hành doanh nghiệp nhà nước sau này. Sau khi đã quy định rõ những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể mà doanh nghiệp nhà nước cần hướng tới, người nắm quyền điều hành doanh nghiệp nhà nước nên được trao quyền tự chủ cao trong các quyết định điều hành doanh nghiệp và đại diện nhà nước sẽ chỉ đóng vai trò giám sát hoạt động của doanh nghiệp nói chung, công việc quản lý của giám đốc điều hành nói riêng

TTBD ĐBDC

cũng như thực hiện quyền chất vấn để giúp doanh nghiệp không bị chệch hướng khỏi các mục tiêu và nhiệm vụ đã được quy định. Một cơ quan độc lập của Chính phủ, đóng vai trò như một Hội đồng quản trị, sẽ chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin của các doanh nghiệp nhà nước, phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cũng như giám đốc điều hành doanh nghiệp, trên cơ sở đó nếu thấy những điều gì có thể gây tổn hại tới doanh nghiệp hoặc vi phạm các mục tiêu, nhiệm vụ của doanh nghiệp thì cơ quan này có quyền yêu cầu người giám đốc điều hành thay đổi quyết định của mình, hoặc thậm chí có thể sa thải người giám đốc điều hành nếu thấy cần thiết. Người đứng đầu cơ quan này sẽ chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hiệu quả hoạt động chung của các doanh nghiệp nhà nước. Cơ chế tiền lương đối với người điều hành doanh nghiệp nhà nước cũng như người lao động tại doanh nghiệp nhà nước cũng cần tuân thủ theo nguyên tắc thị trường, tức là mức lương sẽ phải cạnh tranh và tương xứng với những người làm công việc tương tự ở khu vực tư nhân, đồng thời nó phải ràng buộc với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Một cơ chế tiền lương thỏa đáng sẽ giúp giảm bớt nguy cơ thực hiện các hành vi sai trái của người được giao quyền. Một cơ chế tiền lương gắn với hiệu quả hoạt động doanh nghiệp sẽ giúp tạo ra sự đồng thuận về lợi ích giữa người điều hành với lợi ích của chủ sở hữu doanh nghiệp và trong trường hợp này chính là Nhà nước.

5. Tạo lập mạng lưới chịu trách nhiệm thu thập thông tin về các lĩnh vực liên quan tới công nghệ, thị trường theo từng lĩnh vực và từng quốc gia

Một trong những bất lợi lớn mà các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng gặp phải là sự hạn chế về thông tin và sự lạc lõng khi bắt đầu khởi nghiệp. Nhà nước với mạng lưới rộng khắp ở phạm vi toàn cầu hoàn toàn có khả năng bù đắp những hạn chế này của khu vực doanh nghiệp thông qua các kênh thông tin khác nhau như cổng thông tin của Chính phủ, các buổi hội thảo trao đổi trực tiếp, truyền hình và các phương tiện truyền thông khác. Việc ứng dụng công nghệ thông tin là hết sức cần thiết trong việc tạo ra một chế trao đổi thông tin hai chiều và liên tục giữa Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp thay vì chỉ gói gọn trong một vài cuộc gặp gỡ ngắn ngủi.

Cũng chính thông qua việc trao đổi thông tin hai chiều, Chính phủ sẽ tạo dựng và củng cố niềm tin hơn nữa của cộng đồng doanh nghiệp vào Chính phủ cũng như quyết tâm của Chính phủ trong việc hỗ trợ, là người bạn đồng hành với doanh nghiệp trên con đường phát triển làm giàu cho bản thân và cho đất nước. Đồng thời, cộng đồng doanh nghiệp cũng nắm bắt kịp thời các chính sách mới của Chính phủ, cũng hiểu và chia sẻ với những khó khăn mà Chính phủ phải đối mặt, nhờ đó tạo ra một mối quan hệ tin cậy hai chiều, một nhân tố rất quan trọng

TTBD ĐBDC

quyết định tới sự phát triển chung của đất nước. Các nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng, cần thiết phải xây dựng một thể chế dựa trên quan hệ gắn kết và lợi ích đồng minh giữa nhà nước và doanh nghiệp. Sự tin cậy của hai phía dành cho nhau là yếu tố bắt buộc phải có để mang lại sự thành công cho các chính sách phát triển.

Do vậy, Chính phủ cần tạo lập một mạng lưới chịu trách nhiệm thu thập thông tin về các lĩnh vực liên quan tới công nghệ, thị trường theo từng lĩnh vực và từng quốc gia, trên cơ sở đó lập báo cáo để cung cấp và chia sẻ những thông tin này cho cộng đồng doanh nghiệp.

6. Phát triển thị trường tài chính và tạo lập nguồn vốn nhà nước ổn định dành cho hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Để phát triển thị trường tài chính tốt hơn, Nhà nước cần bảo đảm sự minh bạch về thông tin của các hàng hóa được mua bán trên thị trường, tức là tất cả các doanh nghiệp tham gia trên thị trường tài chính cần phải công khai thông tin và các thông tin này cần được kiểm toán để bảo đảm tính khách quan và tin cậy. Phát triển thị trường tài chính sẽ tạo khả năng tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn cho doanh nghiệp. Thúc đẩy tính minh bạch trong thông tin của các doanh nghiệp để từ đó giúp cho hàng hóa trên thị trường tài chính có sự minh bạch về chất lượng, qua đó thu hút các nhà đầu tư đầu tư vốn giúp các doanh nghiệp có nguồn vốn và với giá vốn rẻ hơn. Các quỹ đầu tư mạo hiểm thông qua thị trường tài chính sẽ biết đến các doanh nghiệp cùng các ý tưởng kinh doanh của họ nhiều hơn và nhờ đó cơ hội hợp tác sẽ lớn hơn.

Song song với cơ chế kết nối thông tin tốt hơn của bản thân khu vực tư nhân, Nhà nước cũng nên dành một nguồn vốn nhất định cho việc hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ. Ngân hàng Phát triển Việt Nam có thể là kênh dẫn vốn từ Nhà nước tối các doanh nghiệp nhỏ. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên khi bàn về cải cách doanh nghiệp nhà nước, nguồn vốn của Nhà nước được dùng cho các doanh nghiệp nhỏ vay thông qua các định chế tài chính như Ngân hàng Phát triển hay một định chế nào khác cũng cần phải được tổ chức theo nguyên tắc thị trường nhằm nâng cao tính hiệu quả hoạt động, giảm thiểu nguy cơ thất thoát vốn của Nhà nước. Nguồn ngân sách này cũng cần được cho doanh nghiệp vay theo hướng thúc đẩy hoạt động sản xuất thương mại hàng hóa chứ không phải là phục vụ cho các mục đích gắn với việc khai thác tài nguyên hoặc đầu tư tài chính, bất động sản.

7. Đầu tư kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ và phát triển đồng đều hơn giữa các vùng và địa phương

TTBD DBDC

Các chính sách phát triển vùng như đã đề cập ở trên là nên hướng tới việc xây dựng các thành phố công nghiệp vệ tinh, tăng cường sự kết nối giữa các thành phố vệ tinh và dần dần các thành phố vệ tinh sẽ tiếp tục được mở rộng ra xa hơn. Cách phát triển này sẽ giúp giảm bớt mật độ doanh nghiệp vào một số khu vực nhất định và khiến cho chi phí thuê đất đắt đỏ hơn. Tuy nhiên, để phát triển theo hướng này đòi hỏi Nhà nước phải đầu tư phát triển một cách đồng đều hơn kết cấu hạ tầng, bao gồm hạ tầng vận tải, nhà ở, viễn thông... để tạo ra một sự kết nối tốt hơn giữa các địa phương, các khu công nghiệp. Cách hoạch định chính sách phát triển như vậy có thể không mang lại thành công trong ngắn hạn, nhưng xét về dài hạn nó sẽ mang lại sự phát triển cân bằng và ổn định cho tổng thể nền kinh tế.

8. Thúc đẩy tự do thương mại và liên kết sản xuất hàng hóa kết hợp với hình thành những ngành mũi nhọn Việt Nam có thể có lợi thế cạnh tranh

Cạnh tranh quốc tế mặc dù có thể khiến nhiều doanh nghiệp Việt Nam hoạt động kém hiệu quả phải đóng cửa nhưng đồng thời nó cũng mở ra cơ hội mới cho các doanh nghiệp khác được tham gia sâu hơn vào chuỗi liên kết toàn cầu. Đây là một xu hướng không thể đảo ngược, do vậy Việt Nam càng mở cửa và hội nhập sâu hơn và nhanh hơn thì cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam được tiếp cận vào chuỗi liên kết sản xuất và thương mại toàn cầu càng nhiều, nhờ đó có thể thụ hưởng nhiều lợi ích hơn từ việc hội nhập thương mại toàn cầu.

Chính từ quá trình cạnh tranh khắc nghiệt hơn, các doanh nghiệp Việt Nam với động lực phải thay đổi và hoàn thiện mình lớn hơn sẽ sớm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như tìm ra được những lĩnh vực thế mạnh cho doanh nghiệp Việt Nam. Để hưởng lợi nhiều hơn từ quá trình hội nhập, Việt Nam nên hướng vào các thị trường phát triển như Bắc Mỹ, châu Âu và Nhật Bản, bởi sự khắt khe của những thị trường này cùng với cơ hội học hỏi lớn hơn từ các doanh nghiệp đến từ những quốc gia này sẽ giúp Việt Nam bước nhanh hơn trên con đường phát triển kinh tế, nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh.

Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, xu hướng phát triển theo hướng đa dạng hóa có thể phù hợp, giúp tạo cơ hội việc làm cho nhiều người trong các lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên, ở giai đoạn phát triển cao hơn sau này, việc tập trung chuyên môn hóa vào các lĩnh vực thế mạnh được cho là một chiến lược khôn ngoan và dễ mang lại thành công hơn là đa dạng hóa. Việc xác định những ngành mũi nhọn, có lợi thế cạnh tranh nên dựa trên chính quyết định và lựa chọn của khu vực tư nhân, còn Nhà nước chỉ đóng vai trò hỗ trợ, cung cấp thông tin. Kinh nghiệm từ nhiều quốc gia cho thấy, việc Nhà nước lựa chọn ngành mũi nhọn thường không phù hợp và dễ bị thất bại. Ngược lại, một cơ chế phát triển tự nhiên

TTBD ĐBDC

với sự hỗ trợ từ phía sau của Nhà nước trong việc hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực và thông tin lại có khả năng thành công lớn hơn

9. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới theo hướng thân thiện với môi trường thông qua các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng

Tài chính vốn luôn là rào cản lớn đối với những nhà đổi mới sáng tạo. Có được nguồn lực tài chính, đặc biệt là các giai đoạn đầu, là một khó khăn lớn đối với các doanh nghiệp và đối với những doanh nghiệp đổi mới thì nó còn khó hơn. Để mở rộng cơ hội về tài chính cho các hoạt động đổi mới sáng tạo, đặc biệt là những đổi mới có thể mang lại lợi ích cho số đông người lao động, những công nghệ thân thiện với môi trường, Chính phủ có thể cân nhắc việc xây dựng một Quỹ Đổi mới Sáng tạo. Quỹ này sẽ có nhiệm vụ hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp và các nhà đổi mới sáng tạo, đặc biệt là những doanh nghiệp đưa ra những công nghệ và giải pháp mới có thể giúp cải thiện phúc lợi của những nhóm thu nhập thấp trong xã hội. Hoặc Chính phủ cũng có thể thực hiện bảo lãnh đối với các doanh nghiệp đưa ra được những dự án đổi mới sáng tạo khả thi mà có thể mang lại lợi ích cho các nhóm thu nhập thấp và yếu thế trong xã hội.

Bên cạnh đó, việc tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp - viện nghiên cứu – trường đại học và trường nghề sẽ giúp nâng cao khả năng đổi mới sáng tạo và tính lan tỏa công nghệ. Việc tiếp cận với tri thức và các kiến thức kỹ thuật chuyên sâu có thể giúp tạo ra những đổi mới nền tảng. Các biện pháp khuyến khích cơ sở nghiên cứu và các định chế trung gian tham gia hỗ trợ các nhà đổi mới sáng tạo, kết nối giữa các cơ sở chính thức thực hiện công việc nghiên cứu để đổi mới với các cá nhân, giữa các doanh nghiệp tư nhân với các nhà đổi mới sáng tạo. Chính phủ cũng cần cung cấp vốn, hỗ trợ kỹ thuật công nghệ và sử dụng các bí quyết, sáng chế của các tổ chức nghiên cứu để giải quyết vấn đề công nghệ, nâng cao năng lực của các nhà đổi mới sáng tạo thông qua các khóa đào tạo. Nâng cao học vấn là một cách hữu ích để các nhóm thu nhập thấp được đóng góp, hưởng lợi từ những đổi mới này. Các mạng lưới có thể hoạt động kết hợp, một điều rất có ích để giải quyết các thách thức. Trong nhiều trường hợp, các nhà đổi mới sẽ không tham gia thị trường sẵn có mà hình thành thị trường mới. Do vậy, các chính sách phải xác lập được các mục tiêu ưu tiên và sắp xếp sao cho bao trùm các lợi ích khác nhau, từ đó tạo ra một mạng lưới chung.

Các quy định về sản phẩm sẽ thúc đẩy sự phát triển của công nghệ mới mang lại hiệu quả kinh tế ngoài mong đợi. Khung khổ pháp lý cần bảo đảm tính ổn định, an toàn và nó cũng cần tạo ra một cơ chế đủ linh hoạt để thúc đẩy đổi mới, các thử nghiệm. Các quy định sản phẩm không cần thiết và cản trở sự cạnh tranh có thể kìm hãm những đổi mới. Các quy định và tiêu chuẩn đưa ra có thể giúp tạo

TTBD ĐBDC

ra một sân chơi lành mạnh nhưng nó cũng không nên quá khắt khe, tránh tạo ra gánh nặng lớn đối với doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển. Chuẩn hóa không phải là một công cụ chính sách có thể sử dụng dễ dàng và việc đưa ra các tiêu chuẩn không đúng về thời gian cũng gây ra những hệ lụy không mong muốn. Nếu việc chuẩn hóa diễn ra quá sớm có thể sẽ làm triệt tiêu những công nghệ tốt hơn, còn nếu việc chuẩn hóa diễn ra quá muộn thì chi phí điều chỉnh sang tiêu chuẩn mới có thể sẽ làm hạn chế khả năng lan tỏa. Chính phủ cũng có thể sử dụng các tiêu chuẩn được ấn định mở theo chuẩn quốc tế. Việc đặt ra tiêu chuẩn riêng của quốc gia sẽ tốn kém và rủi ro do vướng vào vòng đời công nghệ và rất khó xác định tiêu chuẩn chính từ sớm trong bối cảnh thị trường toàn cầu và công nghệ thay đổi liên tục. Việc sử dụng những tiêu chuẩn của quốc tế, có thể là đi chậm hơn một vòng đời công nghệ, có thể góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy những đổi mới vươn tới được số đông mọi người.

Tương tự, Chính phủ cũng nâng dần các tiêu chuẩn về môi trường và cải thiện việc thực thi các quy định về môi trường, bao gồm việc nâng cao dần các tiêu chuẩn quốc gia về khí thải của các phương tiện đi lại, đặc biệt là tại các thành phố lớn. Thúc đẩy hoạt động đổi mới và ứng dụng công nghệ xanh thông qua cơ chế thị trường, cụ thể là làm cho các hoạt động sản xuất hay các công nghệ gây ô nhiễm trở nên đắt đỏ hơn so với các công nghệ hay hoạt động sản xuất xanh, từ đó khiến doanh nghiệp tự tìm đến với các công nghệ sạch hay các lĩnh vực sản xuất thân thiện với môi trường. Chính phủ phải cương quyết từ chối đối với mọi hoạt động sản xuất mang tính hủy hoại môi trường cũng như hạn chế dần việc sản xuất mang tính chất khai thác tài nguyên.

Chính phủ cần có những cơ chế đặc biệt ưu đãi đối với những doanh nghiệp thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, áp dụng những công nghệ mới. Các chính sách như giảm thuế, hoặc thậm chí là miễn thuế trong một số năm đầu và giảm thuế trong các năm kế tiếp nên được áp dụng đối với những doanh nghiệp khởi nghiệp có mức độ đổi mới sáng tạo cao, đưa ra thị trường những dòng sản phẩm mới có tính khác biệt cao trên thị trường, tạo ra nhiều việc làm. Các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới theo hướng thân thiện với môi trường cũng cần được thụ hưởng những chính sách ưu đãi về thuế. Chính phủ cần tạo cho cộng đồng sự nhận thức về những lợi ích kinh tế rất lớn không chỉ từ thị trường mà từ cả sự hỗ trợ của Chính phủ khi họ tạo ra những sản phẩm có tính đổi mới sáng tạo cao, sản xuất thân thiện với môi trường, đóng góp vào sự phát triển chung của cả cộng đồng.

10. Chính sách ưu đãi đối với những doanh nghiệp phục vụ vì người thu nhập thấp và người nghèo

TTBD ĐBDC

Tính bền vững về mặt tài chính của những mô hình kinh doanh có sử dụng những đổi mới sáng tạo mà vươn tới được phần đông dân số nghèo và những nhóm yếu thế, cho phép họ được tham gia vào quá trình này, là yếu tố rất quan trọng quyết định tới mức độ bao trùm của tăng trưởng. Tuy nhiên, để đáp ứng được mục tiêu này là rất khó khăn. Việc thu nhập người dân có xuất phát điểm thấp khiến họ khó có thể khai thác những cơ hội đến từ đổi mới và công nghệ mới. Các doanh nghiệp thường thiếu những hiểu biết về nhu cầu của dân số nghèo. Kết cấu hạ tầng còn nhiều yếu kém khiến cho việc phân phối các sản phẩm đến các khách hàng nghèo trở nên tốn kém hơn. Vì vậy, vai trò của Chính phủ trong việc cung cấp và định hướng thông tin, các chính sách ưu đãi và sự phát triển đồng đều kết cấu hạ tầng là rất cần thiết để giúp tạo ra nhiều doanh nghiệp đổi mới sáng tạo nhưng vẫn bảo đảm sự tham gia tích cực và chủ động của những nhóm yếu thế và nhóm thu nhập thấp trong xã hội.

Đối với các doanh nghiệp mặc dù vẫn vì mục tiêu lợi nhuận nhưng đi theo định hướng xã hội, muốn hướng tới phục vụ nhu cầu của các nhóm thu nhập thấp thì Chính phủ cần có những cơ chế ưu tiên hơn. Tương tự, các doanh nghiệp có những đổi mới sáng tạo hay ứng dụng công nghệ mới có thể giúp cải thiện phúc lợi các nhóm thu nhập thấp trong xã hội cũng cần được những cơ chế ưu đãi cao hơn so với thông thường. Cụ thể, Chính phủ có thể sử dụng các chính sách ưu đãi như thuế suất thấp hơn đối với các doanh nghiệp phục vụ người nghèo hoặc mức lãi suất ưu đãi hơn so với lãi suất thị trường.

11. Cải cách hệ thống giáo dục theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp cao và phát triển đa kỹ năng cho người lao động

Trong thời gian tới, Việt Nam cần cải cách hệ thống giáo dục theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp cao hơn và phát triển đa kỹ năng cho người lao động, do đó nên chuyển dần từ giáo dục cơ bản sang giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Trước hết, Việt Nam cần phải cải thiện chất lượng giáo dục hướng nghiệp và đào tạo nghề, giúp họ có nhiều cơ hội việc làm hơn cùng mức thu nhập cao hơn, nhờ đó sẽ giúp giảm bớt tâm lý mong muốn vào đại học của nhiều người, qua đó đỡ lãng phí nguồn lực xã hội. Chính phủ cần cung cấp thông tin để giúp định hướng nghề nghiệp sớm cho học sinh trung học phổ thông lựa chọn ngành nghề và bậc học phù hợp với năng lực và điều kiện. Chính vấn đề đào tạo không tương thích với nhu cầu xã hội đã khiến cho cơ hội tìm kiếm việc làm của giới trẻ ít nhiều bị hạn chế.

Ngoài ra, việc nâng cao năng lực nghiên cứu ở giáo dục bậc đại học, thúc đẩy mối liên kết giữa Chính phủ, các viện nghiên cứu kinh doanh và trường đại học sẽ giúp thúc đẩy khả năng thực hiện các đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế.

TTBD ĐBDC

Nguồn ngân sách chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) của Chính phủ cần được thực hiện phân bổ dựa trên nguyên tắc cạnh tranh.

Phát triển năng lực người lao động theo hướng đa kỹ năng cũng là một xu hướng của tương lai. Điều đó sẽ giúp người lao động thích ứng với các điều kiện và yêu cầu công việc khác nhau. Đồng thời, tính chất đa kỹ năng của người lao động cũng sẽ giúp cho việc đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới được diễn ra dễ dàng hơn.

12. Gỡ bỏ các rào cản đối với việc di chuyển lao động và có các chính sách hỗ trợ lao động thu nhập thấp

Chế độ hộ khẩu gây ra nhiều phân biệt đối với lao động di cư đến các đô thị, đặc biệt trong tiếp cận cơ hội tín dụng, thụ hưởng các dịch vụ y tế, giáo dục cho bản thân người lao động và gia đình họ, do đó cần đơn giản hoá các thủ tục hành chính liên quan rồi tiến dần tới việc xóa bỏ đăng ký hộ khẩu. Các điều kiện đăng ký kinh doanh, thuê mướn, sử dụng lao động cũng cần điều chỉnh theo hướng linh hoạt và đơn giản hơn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nhập cư ổn định cuộc sống. Nó cũng giúp cải thiện khả năng tiếp cận tới thông tin thị trường lao động, các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế cho lao động nhập cư và gia đình họ. Việc thực thi các biện pháp để tăng cường tiếng nói của lao động nhập cư cũng nên được chú trọng hơn để xoá bỏ sự phân biệt đối xử với họ.

Bên cạnh giám sát việc thực hiện chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, cải thiện môi trường làm việc, bảo hộ lao động... của doanh nghiệp, Nhà nước cũng cần có quy hoạch và cơ chế khuyến khích đầu tư xây dựng nhà ở và các tiện ích đi kèm như trường học, bệnh viện, công viên,... quanh các khu công nghiệp/khu chế xuất để người lao động có thể an tâm gắn kết lâu dài với các doanh nghiệp.

TTBD ĐBDC